

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2024

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Sáu và ông Phạm Ngọc Tân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng L** – sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn T1, xã C, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn C** – sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn T1, xã C, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh C tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 13/8/2004. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng rồi phát sinh mâu thuẫn do anh C hay uống rượu, bia rồi về đánh chị, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, không còn tình yêu thương. Chị và anh C không còn sống chung từ khoảng tháng 10/2023. Chị đang sống nhờ nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã C, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh C được nữa, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 06/12/2004, Nguyễn Văn T1 – sinh ngày 20/6/2006 và Nguyễn Thị Hồng T2 – sinh ngày 28/8/2010. Cháu T đã đủ 18 tuổi;

đến lần hòa giải ngày 02/7/2024, Cháu T1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T2 đang sống cùng chị. Cháu T2 có nguyện vọng muốn sống cùng chị, chị đồng ý nuôi dưỡng Cháu T2 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, cụ thể tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như trình bày của chị L về thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 13/8/2004. Thời gian hôn nhân hạnh phúc nhưng cuộc sống hôn nhân có lúc mâu thuẫn, anh có uống rượu bia nhưng uống với các anh hàng xóm cho vui, anh còn thương vợ, thương con, muốn hàn gắn gia đình. Đề nghị Tòa án cho anh chị được đoàn tụ. Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc của anh chị do lũ lụt bị trôi mất.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 06/12/2004, Nguyễn Văn T1 – sinh ngày 20/6/2006 và Nguyễn Thị Hồng T2 – sinh ngày 28/8/2010. Cháu T đã đủ 18 tuổi, Cháu T1 đến ngày hòa giải 02/7/2024 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T2 đang sống cùng chị L, Cháu T2 có nguyện vọng muốn sống cùng chị L. Vì anh muốn đoàn tụ nên không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự vắng mặt giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị L và anh C xảy ra mâu thuẫn, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 13/8/2004. Chị L đề nghị Tòa án cho ly hôn vì giữa chị và anh C không còn tình cảm, anh C thường xuyên nhậu, đánh chị, chị phải ở nhờ nhà cha mẹ đẻ. Anh C đề nghị Tòa án cho đoàn tụ vì anh còn thương vợ con. Nhưng giữa anh chị không tìm được tiếng nói chung, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị L cương quyết ly hôn vì chị đã sống chịu đựng vì con, hiện tại chị và anh C không còn sống chung. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Về con chung: Các đương sự thống nhất có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 06/12/2004, Nguyễn Văn T1 – sinh ngày 20/6/2006 và Nguyễn Thị Hồng T2 – sinh ngày 28/8/2010. Cháu T và Cháu T1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T2 đang sống cùng chị L và có nguyện vọng sống cùng chị L. Chị L có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng Cháu T2, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi Cháu T2. Nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao Cháu T2 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng T2 – sinh ngày 28/8/2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên

lai thu tiền số 0010680, ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị L đã nộp đủ.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã C, huyện A;
- Lưu hồ sơ; Án Vãn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương